

P. L 2507

Năm thứ 7 — Số 69

刊月音圓

# VIÊN - ÂM



VIÊN - ÂM NGUYỆT - SAN  
ANNAM PHẬT-HỌC HỘI PHÁT HÀNH

1944

IN TẠI NHÀ IN ĐUỐC TUỆ  
73, Rue Richou, 73

REPRODUCED

GIA 0\$30

Nam-mô Bôn-sur Thích-Ca  
Mâu-Ni Phật

Tác đại chứng-minh

**VIÊN-ÂM NGUYỆT-SAN**

*Tap-chi chuyên-chú về đạo Phật do Annam P  
học hội (S. E. E. R. B. A.) xuất bản*

Chủ nhiệm : Hội-trưởng hội Annam Phật-học  
Đạo-trưởng **LÊ-ĐÌNH-THẨM**

Chủ bút : Giáo-ly kiêm-duyet :

**Ông LÊ-ĐÌNH-THẨM**

Thơ-lừ bài-vở, xin gởi cho :

**Annam Phật-học hội Tổng-trị-sự**

Boite postale N. 73 Huế :

Ngân-phiếu trả tiền-báo xin đề tên :

**Ông Phạm-văn-Vi Phanrang**

Giá báo : độc-giả hội-viên 3\$00

— ngoài hội 3\$50

mỗi số 0\$30

Các ngài muốn khảo-cứu triết-ly của đạo P

Các ngài muốn biết rõ tam-tánh của mình,

Các ngài muốn biết con đường tu-hành

đến chỗ hoán-toàn.

Hãy luôn luôn đọc :

**Viên-âm Nguyệt-san**

# KINH U'U - BÀ - TẮC - GIÓ'I

*Diễn giả : Tâm-Minh*

## PHẨM TẬP HỘI THỨ NHẤT

Tôi nghe như vậy : trong một thời, Phật ở Tinh-cấp-cô-độc, trong rừng Kỳ-Đà, nước Sá-Vệ, cùng với Tăng-chúng Đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người, năm trăm vị Tỳ-kheo-ny, một ngàn vị Tu-bà-tắc và năm trăm người ăn mày.

Khi bấy giờ trong Hội có vị Trưởng-giả-tử, tên Thiện-Sanh, bạch Phật rằng : « Bạch Thế-tôn, Lục ngoại đạo thường diễn-thuyết dạy chúng sanh rằng : Nếu biết trong lúc sớm mai kính lễ sáu phương thì đặng sống lâu và nhiều của, vì có rằng cõi thượng đong thuộc vua Đế-Thích (vua cõi trời Đao-lợi), ai có cúng dường thì vua Thích-Đề-Hoàn-Nhơn (trọn tên của vua Đế-Thích) phù hộ cho ; cõi phương nam thuộc vua Diêm-La (vua cõi Địa-ngục), ai có cúng dường thì vua Diêm-La kia phù-hộ cho ; cõi phương Tây thuộc thiên-thần Bà-Lâu-Na (tên của ông-Vương), ai có cúng dường thì thiên-thần kia phù-hộ cho ; cõi phương Bắc thuộc thiên-thần Câu-y-La (tên của chúa Dạ-Xa), ai có cúng dường thì thiên-thần kia phù-hộ cho ; cõi phương dưới thuộc thiên-thần lửa, ai có cúng dường thì Thần lửa phù-hộ cho ; cõi phương trên thuộc Thiên-thần gió, ai có cúng dường thì Thần gió phù-hộ cho.

Bạch Thế-tôn, ở trong Phật-pháp cũng có sáu

phương như vậy chăng ? »

Phật dạy : « Thiện-nam-Tử, trong Phật-pháp cũng có sáu phương, nghĩa là sáu Ba-la-mật : phương Đông tức là Bồ-thí Ba-la-mật, vì có chi ? Vì phía ban đầu, làm nhân duyên sanh ra ánh sáng ; huệ ; Phương Đông kia thuộc tâm chúng sanh ; nó có chúng sanh biết cúng dường Bồ-thí Ba-la-mật thì được sống lâu nhiều của. Phương Nam tức Trì-giới Ba-la-mật, vì có chi ? Trì-giới Ba-la-mật ; là bền hữu (trên, trước), người nào cúng dường cũ được sống lâu nhiều của. Phương Tây tức là Nhân-Nh Ba-La-mật, Vì có chi ? phương Tây kia gọi là phía sau, vì bỏ tất cả pháp dữ ra phía sau vậy ; nếu có người cúng dường thì được sống lâu, nhiều của. Phương Bắc tức là Tinh-Tiến Ba-La-Mật, vì có chi ? phương Bắc có tiếng là hơn các pháp dữ ; nếu ai biết cúng dường thì được sống lâu, nhiều của. Phương dưới tức Thuyền-Định Ba-La-mật, vì có chi ? vì biết quán đúng-đắn các đạo vậy ; nếu ai biết cúng dường thì được sống lâu, nhiều của. Phương trên tức là Bất-N Ba-La-Mật, vì có chi ? vì phương trên là vô-thượng sinh ; nếu ai biết cúng dường thì được sống lâu nhiều của.

Thiện-Nam-Tử, sáu phương đó đều thuộc về chúng sanh, chớ chẳng phải như thuyết của Lục-ngoại đạo.

Ai Có thể cúng dường sáu phương như vậy ?

Thiện-Nam-Tử, chỉ có Bồ-Tát mới có thể cúng dường.

Bạch Thế-Tôn, vì ý-nghĩa gì mà gọi là Bồ-tát ?

Phật dạy : « Vi đặng Bồ-đề gọi là Bồ-tát ; Vi tánh Bồ-đề gọi là Bồ-tát ».

Bach Thế-Tòa, nếu nói đặng Bồ-Đề rồi gọi là Bồ-tát, thì khi chưa cúng-dường lục phương kia, làm sao đặng gọi là Bồ-tát. Nếu như vi tánh là Bồ-đề, mà gọi là Bồ-tát, thì ai có tánh ấy. Người có tánh đó mới có thể cúng dường, nếu không có tánh đó thì không thể cúng dường ; Vậy đức Như-Lai chẳng nên nói rằng sáu phương kia thuộc tâm chúng sanh.

— Thiện-Nam-Tử, chẳng phải vi đặng Bồ-Đề rồi mới gọi là Bồ-tát ; Vi cơ chi ? vi đặng Bồ-Đề rồi thì gọi là Phật ; chưa đặng Bồ-Đề mới gọi là Bồ-tát. Cũng không phải vi tánh là Bồ-Đề nên gọi là Bồ-tát. Thiện-Nam-Tử, hết thấy chúng-sanh không tánh Bồ-Đề, cũng như các chúng-sinh không tánh trời, người, không tánh sư-tử, cọp, sói, muông, chó v. v. trong đời hiện-tại, vi hòa-hợp các nhân-duyên thiện nghiệp nên đặng thân trời, người ; hòa-hợp các nhân-duyên bất-thiện-nghiệp nên đặng thân súc-sinh như sư-tử v.v.. Bồ-tát cũng vậy, vi hòa-hợp các nhân-duyên thiện-nghiệp, phát tâm Bồ-Đề nên gọi là Bồ-Tát. Nếu hết thấy chúng-sinh có tánh Bồ-tát thì không đúng nữa ; Vi cơ chi ? Vi nếu đã có tánh thì chẳng cần phải nhân-duyên thiện-nghiệp, cúng dàng lục-phương. Thiện Nam-Tử, nếu đã có tánh thì không có sơ tâm, không có si-chuyển tâm. Do nhân-duyên vô-lượng thiện nghiệp, phát bồ-đề-tâm, mới gọi là tánh Bồ-tát. (Tánh có hai nữa : một là chân-tánh, thể không biến thiên, đầy đủ tất các công-năng ; hai là duyên-khởi-tánh, tùy theo sự tập mà công-năng thứ này, thứ khác, đủ sức hiện tự quả. Kinh này, chú trọng về sự tu-hành, nên riêng về duyên-khởi-tánh).

Thiện-Nam-Tử, có những chúng-sinh tu học ngoại-đạo, không ưa những thuyết điên đảo các sách ngoại-đạo mà phát Bồ-đề-tâm ; hoặc có chúng-sinh ở chỗ vắng lặng, nhờ thiện-duyên bề trong mà phát Bồ-đề-tâm ; hoặc có chúng-sinh, xét lỗi của sinh-tử mà phát Bồ-đề-tâm ; hoặc có chúng-sinh, thấy việc dữ, nghe việc dữ mà phát Bồ-đề-tâm ; hoặc có chúng-sinh, thấy biết thân mình tham muốn, giận dữ, ngu si, rít-rầm, ganh tị và vi ghét bỏ các thói xấu ấy mà phát Bồ-đề-tâm ; hoặc có chúng-sinh, thấy những thần-tiên có ngũ-thông của ngoại-đạo mà phát Bồ-đề-tâm ; hoặc có chúng-sinh muốn biết thế-gian có ngần hay không ngần mà phát Bồ-đề-tâm ; hoặc có chúng-sinh, thấy nghe những chỗ không thể nghĩ-nghĩ của Như-lai mà phát Bồ-đề-tâm ; hoặc có chúng-sinh, sinh lòng thương xót mà phát Bồ-đề-tâm ; hoặc có chúng-sinh, vì yêu chúng-sinh mà phát Bồ-đề-tâm.

Thiện-Nam-Tử, Bồ-đề-tâm đại phạm có ba thứ là : Bực dưới bực giữa và bực trên. Nếu như nói chúng-sinh, chắc có tánh ấy, thì làm sao lại còn nói có ba thứ ư ? — Chúng-sinh tâm bực dưới có thể làm thành tâm bực giữa, tâm bực giữa có thể làm thành tâm bực trên, tâm bực trên lui làm tâm bực giữa, tâm bực giữa lui làm tâm bực dưới. Do chúng-sinh siêng tu vô lượng thiện pháp nên tâm thêm lên, do không siêng tu, nên bị lui xuống. Nếu khéo tu liền thì gọi là bất-thoái, nếu chẳng tu liền thì gọi là thoái. Trong hết thầy thời, thường vì tất cả vô biên chúng-sinh, tu nhóm thiện pháp thì gọi là bất-thoái-chuyển. Nếu chẳng như vậy thì gọi là thoái-chuyển. Bồ-tát thoái-chuyển như vậy thì có tâm lui sút và tâm e sợ. Còn như trong hết thầy thời

vi hết thầy chúng-sinh, tu nhóm thiện-pháp thì đặng  
bất-thoái-chuyển ; Vậy nên ta thọ-ký cho người ấy,  
quyết định không lâu sẽ được Vô-thượng Chánh-dăng  
Chánh-giác.

Thiện-Nam-Tử, ba thứ Bồ-đề-tâm ấy không có  
tánh nhất định ; nếu có tánh nhất định thì những  
người đã phát tâm Thanh-văn, Duyên-giác, không thể  
phát được Bồ-đề-tâm. Thiện-Nam-Tử, vì như chúng  
tôi không có chủng tánh nhất định ; 3 thứ tâm ấy  
cũng như vậy. Người nói có tánh nhất định là ngoại  
lạc, vì cớ sao ? vì các thuyết ngoại-đạo không nhân,  
không quả, như nói Tự-Tại-Thiên không phải nhân,  
không phải quả.

Thiện-Nam-Tử, hoặc có người nói : tánh Bồ-tát,  
cũng như trong đá định có tánh vàng, do những  
nhân-duyên phương-tiện hay khéo mà phát ra, nên  
nói đặng cái dung của vàng ; Và tánh Bồ-tát cũng  
như vậy. Đó là lời nói của Phạm-Chí, vì cớ sao ?  
vì bọn Phạm-Chí thường nói : hột Ni-câu-Đà có cây  
Ni-câu-Đà, con mắt có lửa, có đá. Vậy nên thuyết  
Phạm-Chí không nhân không quả, nhân tức là quả,  
quả tức là nhân. Như nói : hột Ni-câu-Đà sẵn đủ  
cây Ni-câu-Đà, mà có cây Ni-câu-Đà ; tức là nhân-  
quả của Phạm-Chí. Nghĩa ấy không đúng, vì cớ chi ?  
vì nhân nhỏ quả to vậy. Như nói : trong con mắt  
định chắc có lửa ; thì con mắt phải bị đốt, mà nếu  
con mắt bị đốt thì làm sao thấy được. Nói trong con  
mắt có đá thì đá phải che con mắt ; nếu con mắt  
bị che thì làm sao còn thấy. Thiện-Nam-Tử, theo  
quyết Phạm-Chí, có tức là có, không là hẳn không,  
không thì chẳng sanh, có không lẽ diệt. Nếu nói trong  
đá có tánh vàng, thì đã nói vàng không cần phải  
bỏ tánh, đã nói tánh thì không thể nói vàng. Thiện-

Nam-Tử, có nhân-duyên thời có hòa-hợp, vì nhân-duyên hòa-hợp nên trước không sau có ; chớ như lời Phạm-Chí nói không là hẳn không. nghĩa ấy cũng như nói vàng hợp với thủy-ngân thì vàng diệt mất. Còn như nói có không lẽ diệt, nghĩa ấy cũng như nói chúng-sanh có tánh Bồ-tát ; nói như vậy gọi là ngoại-đạo, không gọi là Phật đạo. Thiện-Nam-Tử, ví như ví hòa-hợp nhân-duyên đá mà có cái dung vàng, tánh Bồ-tát cũng như vậy. Chúng-sinh có tâm-hành gọi là tâm muốn, do nhân-duyên muốn thiện-nghiệp như vậy, phát Bồ-đề-tâm thì gọi là tánh Bồ-tát. Thiện-Nam-Tử, ví như chúng-sinh trước không Bồ-đề, về sau mới có ; tánh Bồ-đề cũng như vậy, trước không sau có ; vậy nên không thể nói rằng nhất định là có. Thiện-Nam-Tử, vì cầu đại tri-huệ nên gọi là Bồ-tát, vì muốn biết chân-thật của hết thấy pháp, vì trang-nghiêm rộng lớn, vì tâm bền-chắc, vì độ nhiều chúng-sinh, vì không tiếc thân-mạng nên gọi là Bồ-tát tu hành phép Đại-thừa. Thiện-Nam-Tử, Bồ-tát có hai thứ : một là thoái-chuyển, hai là bất-thoái-chuyển ; đã tu nghiệp nhân của 32 tướng thì gọi là bất-thoái-chuyển, nếu chưa tu thì gọi là thoái-chuyển. Bồ-tát lại có hai thứ : một là xuất-gia, hai là tại-gia. Xuất-gia Bồ-tát phụng trì tám trọng-giới đầy-đủ thanh-tịnh thì gọi là bất-thoái ; Tại-gia Bồ-tát phụng trì 6 trọng-giới, đầy-đủ thanh-tịnh cũng gọi là Bất-thoái. (Tám trọng-giới của xuất-gia Bồ-tát là : sát, đạo, dâm, vọng, khen mình, chê người, lẫn-rit không thì pháp, giận dữ không chịu ăn-năn, nói pháp tương-tự. 6 trọng-giới của tại-gia Bồ-tát là : sát, đạo, dâm, vọng, phô-bầy tội-lỗi từ chúng, bán rước).

Thiện-Nam-Tử, ngoại-đạo đoạn dục được phúc-hơn phúc-đức của tất cả chúng-sinh ở Dục-giới ; Tu-đà-hoàn thì hơn tất cả ngoại-đạo dị-kiến ; Tư-đà-hàm thì hơn tất cả quả Tu-đà-hoàn ; A-Na-Hàm thì hơn tất cả quả Tư-đà-hàm ; A-la-hán thì hơn tất cả quả A-Na-Hàm ; Bích-Chi-Phật thì hơn tất cả quả A-La-Hán ; người Tại-gia phát Bồ-Đề tâm thì hơn tất cả quả của Bích-Chi-Phật. Người xuất-Gia phát Bồ-Đề-tâm chẳng cho là khó, người Tại-gia phát Bồ-Đề-tâm mới gọi là không thể nghĩ-nghĩ ; Vì có chi ? vì người Tại-gia bị nhiều phiền-đức ràng-buộc vậy. Khi người tại-gia phát Bồ-đề tâm thì từ cõi Tứ-Thiên vương cho đến cõi trời A-Ca-stra (Sắc-cửu-cánh-thiên) đều rất kinh mừng, bảo nhau như vậy : Chúng ta nay đã được vị Thiên-Nhận-  
r.»

## PHẨM PHÁT BỒ-ĐỀ-TÂM, THỨ HAI

Thiện Sanh thưa : « Bạch Thế-Tôn, vì sao chúng ta phát Bồ-Đề tâm ? »

Phật dạy : « Thiện-Nam-Tử, vì hai sự mà chúng ta phát Bồ-đề tâm : một là tăng trưởng thọ-mạng, hai là tăng trưởng của-cải. Lại có hai sự : một là vì đoạn tuyệt chủng-tánh Bồ-tát, hai là vì đoạn tuyệt phiền-não tội-khổ chúng sanh. Lại có hai sự : một là tự xét trong không-lường đời, chịu nhiều khổ-não, không được lợi-ích ; hai là tuy có không-lường lòng sa chur Phật, nhưng đều không thể độ-thoát thân và phải tự độ lấy. Lại có hai sự : một là làm các nghiệp nh, hai là làm rồi không mất. Lại có hai sự : một là hơn hết thấy quả-báo Nhân, Thiên ; hai là vì hơn hết thấy quả-báo Nhị-Thừa. Lại có hai sự : một là cầu đạo Bồ-đề, chịu nhiều khổ-não, hai là vì được

không lường sự lợi-ích lớn. Lại có hai sự : một là quá khư, vị-lai hăng sa chư Phật đều như thân ta ; hai là quán-thấu Bồ-Đề là một pháp có thể được, nên phát Bồ-Đề tâm. Lại có hai sự : một là quán những bực lục-trú Bồ-Tát tuy có thể thối chuyển, nhưng còn hơn hết thầy Thanh-Văn, Duyên-Giác ; hai là siêng-năng cầu đến vô thượng-quả. Lại có hai sự : một là muốn hết thầy chúng sinh đều được giải-thoát, hai là muốn khiến chúng sinh giải-thoát hơn tất cả quâ-bảo của hàng ngoại đạo. Lại có hai sự : một là không rời bỏ hết thầy chúng sinh, hai là rời bỏ hết thầy phiền-não. Lại có hai sự : một là vì đoạn khổ-não hiện-tại của chúng sinh, hai là vì ngừa khổ-não vị-lai cho chúng sinh. Lại có hai sự : một là vì đoạn chướng-ngại cho trí-tuệ, hai là vì đoạn thân chướng của chúng sinh.

Thiện-Nam-Tử, phát Bồ-Đề tâm có năm sự : một là thân cận bậc thiện-hữu, hai là đoạn tâm ghét giận, ba là theo lời thầy dạy bảo, bốn là sinh tâm thương xót, năm là siêng tu tinh-tấn. Lại có 5 sự : một là không thấy lỗi người ; hai là tuy thấy lỗi người mà tâm chẳng ăn-năn ; ba là được thiện-pháp rồi, không sinh kiêu-mạng ; bốn là thấy việc lành người, không sinh lòng ganh ; năm là quán-tưởng chúng sinh như người con một.

Thiện-Nam-Tử, người có trí, phát Bồ-Đề tâm rồi liền có thể phá hoại các quả ác-nghiệp như núi Tu-Di. Người có trí vì ba sự mà phát Bồ-Đề tâm : Một là vì thấy chúng sanh mắc trong ngũ-trược ác-thế ; hai là vì thấy Như-Lai có đạo lực thần thông không thể nghĩ nghĩ ; ba là vì nghe tám thứ tiếng nhiệm-mã

của đức Phật Như-Lai (nói hay, nói ngọt, hòa-thích, khôn-huệ, chẳng vọng, sâu sắc, không lầm, không hết). Lại có hai sự : một là rõ-ràng tự biết thân mình có khổ, hai là biết chúng - sinh cũng khổ như mình. Thiện - Nam - Tử, nếu có người phát được Bồ-đề-tâm thì nên biết người đó có thể lễ lục phương, tăng trưởng thọ mạng của-cải, chớ không in như lối nói của ngoại đạo.

(còn nữa)



# TRO' I VA ĐIA - NGUC

Kinh điển có dạy rằng người tu theo thập thiện sau sẽ sinh về cõi Trời, người gây tội thập ác, sau sẽ đọa vào địa-ngục. Những chữ Trời và Địa-ngục ấy người đạo Phật cần phải tham cứu rành mạch để khỏi lạc vào các quan niệm sai lầm của ngoại đạo.

Ngoại đạo cho Thiên-đường Địa-ngục là kết quả vĩnh-viễn cuối cùng của những việc lành hay dữ đã làm trong đời này : người hiền sẽ mãi mãi sung sướng, người ác sẽ mãi mãi chịu đau khổ. Những điều đau khổ sung-sướng ấy, đều là những chuyện đời được phóng đại. Người đời chết sớm thì người ở Thiên đường sống vô cùng tận, người đi chậm thì họ phi hành vùn vụt, cõi gió về mây. Họ sống trong cảnh cung-diện nguy-nga, hương nhạc êm đềm, không một ham muốn nào mà không được thỏa mãn. Ở Địa-ngục, trái lại, cái gì cũng thiếu thốn, cái gì cũng đau khổ, tất cả hình phạt nào trên thế-gian đều được dồn vào Địa-ngục : vạc dầu, hầm lửa, lăng trì, cưa, sẻ, lột da, ép máu, v.v. . . Lại còn thiếu ăn thiếu mặc, hằng ngày bị giam cầm, cầm đoán, không lúc nào được vira ý.

Một người thận trọng lòng tin sẽ tự hỏi : « Vì đâu có những thứ Thiên-đường Địa-ngục ấy nếu không vì sức tưởng tượng sai lầm của loài người. Tưởng tượng rồi tin, rồi cố gắng làm điều hay để mong sống cảnh Thiên-đường, tránh xa Địa-ngục. Hoặc có người chất vấn về những chỗ trái ngược

quá rõ rệt của thuyết ấy thì họ trả lời ngay là phải tin lời ông Thần này, ông Thánh nọ, là huyền bí cao xa, đi ngoài sức hiểu biết của nhân loại.

Nếu ta tán thành ảnh-hưởng tốt đẹp về mặt tu thân, ta không khỏi phàn nàn cho sự mê-tin ấy, và ai ngại không biết kẻ tin mờ ám kia sẽ có may mắn gặp được chánh pháp không ! Bao giờ cho họ biết, như người đạo Phật, dành cho lý trí và chứng nghiệm một địa-vị xứng đáng trong cuộc tìm lời tu học để đi đến gần sự thật.

Dù trong một vấn đề có vẻ « chuyên môn » như vấn đề này, người đạo Phật cũng có một quan niệm rõ rệt rất hợp lẽ phải. Họ căn cứ vào thực tế mà suy nghiệm, biết rằng cái gì có hình tướng tất phải biến đổi, dù là cái ta riêng biệt mà loài người nâng-niu ôm-ấp, cho đây là linh-hồn bất-diệt. Tất cả những cảnh Thiên-đường, Địa-ngục vĩnh-viễn kia, cùng Ngọc-Hoàng, Diêm-vương, đều là những món « lòng rùa, sừng hổ » huống nữa những lời thưởng phạt bất công vô lý trái với nhơn quả.

Trời và Địa-ngục trong đạo Phật, chỉ là những cõi có hoàn cảnh tốt đẹp hay xấu xa hơn trái đất này. Phật dạy rằng ngoài thế-giới ta, có hằng hà sa số thế-giới khác và ở các thế-giới ấy, có những chúng sinh khác hẳn sinh-vật ở thế-giới chúng ta. Lời dạy ấy làm cho ta phải ngạc nhiên và kính phục, gần 3000 năm về trước, trong khi nhân-loại còn xem tinh-tú như những chấm sáng bé nhỏ, và cho mình cùng cảnh vật chung quanh là trung-tâm-diểm của vũ-trụ, một bậc giác ngộ sáng-suốt là Phật đã đặt thế-giới này vào địa-vị thật của nó trong trời đất.

Khoa học ngày nay cũng đã cùng chia quan niệm ấy. Khoa học phát minh rằng Hỏa-tinh có những điều-kiện thủy-thổ, khí-hậu giống của địa-cầu và dự đoán rằng trên ấy chắc có nhân-loại, cảm thú. Điều ấy chẳng có gì là huyền-hoặc, và những nhà thông-thái giàu sáng-kiến vẫn nuôi hy-vọng, một ngày kia, liên-lạc Hỏa-tinh cùng trái đất. Mà Hỏa-tinh chỉ là một hành-tinh bé nhỏ trong thái-dương-hệ rất bé nhỏ này. Giữa vũ-trụ bao la, trong vô số thái-dương-hệ khác, hẳn còn có vô số hành-tinh giống sao Hỏa, trong ấy sinh-hoạt những loài chúng sinh giống hệ loài người.

Phật còn nói rộng hơn. Phật dạy chúng-sinh vô biên, sống ở vô lượng thế-giới, thường có những cơ-thể khác cơ-thể người và những lối thọ-cảm mà nhân-loại tất cho là kỳ-dị.

Chữ kỳ-dị, chính là một sản-phẩm của quan-niệm hẹp hòi, cho mình là trung-tâm-điểm của sự vật, Ta dùng nó để gọi những điều sai-khác với thói-quen, thành-kiến của ta, bao giờ cũng sản-sàng ngạc-nhiên, nghi-hoặc, khi thấy một kẻ chịu lạnh, chịu nóng khác mình, hoặc có những cảm-xúc không giống mình, Ta muốn ai ai cũng thấy bằng cặp mắt của ta, nghe bằng lỗ tai của ta, ngửi bằng lỗ mũi của ta, nghĩa là cùng chịu giam trong phạm vi chật hẹp của những giác quan ấy.

Một ít suy-nghiệm cũng đủ làm cho ta biết : chính cách phán-đoán đó mới thật là « kỳ-dị » Lẽ nào sức thấy của mọi loài cũng đều như sức thấy của ta : mới gặp vách tường đã bị ngăn-ngại, hơi bé nhỏ đã tưởng rằng không có. Thị-giác chỉ là đối-đãi : dưới kính hiển-vi, lưỡi dao cạo thẳng và bèn của ta chỉ là một lưỡi

cửa với bao nhiêu chỗ lồi chỗ lõm. Qua cặp mắt nhiều mắt của giống chuồn-chuồn, vũ-trụ này hẳn có những hình-dạng mà chưa bao giờ ta nghĩ đến. Ta hãy đi xa hơn, và tưởng-tượng một sinh-vật thấy được nhờ quang-tuyệt chớ không phải nhờ ánh sáng như chúng ta; đối với sinh-vật ấy, những vật như thịt, gỗ, không còn ngăn ngại nữa, và vòng trông thấy của họ hẳn có lắm điều « Kỳ-dị ».

Những điều vừa nói về thị-giác, có thể lặp lại khi bàn đến các giác quan khác. Phạm vi kiểm-soát của giác quan phải tùy theo mọi loài mà có rộng có hẹp. Trong số chúng sinh vô biên kia, chắc có những giống có nhiều hoặc ít giác-quan hơn chúng ta. Làm sao lại không có những sinh-vật có thể nhận được quang-tuyệt X mà không cần đến chất platino-cyanure, hay quang-tuyệt infra-rouge mà không cần đến những hàn thử biểu rất tinh xảo linh-diệu? Làm sao lại không có những giống sinh vật với những cơ-thể đặc-biệt để sống trong các vì sao rất nóng hay rất lạnh, khi loài người và cảm thú có những cơ-thể hợp với hoàn-cảnh trên trái đất? Ta xem vũ-trụ này với ba bề cao ngang, dọc, nhưng các sinh-vật khác, có thể xem thấy ít hay nhiều bề hơn. Nếu có giống nào dùng đến một « bề thứ tư », tức đã đi ra ngoài vòng kiểm-soát của giác-quan ta rồi. Ta sẽ cho đây là thần là thánh rồi thờ-phụng, rồi cầu-khẩn. Một thí-dụ để dẫn chứng: ta hãy tưởng tượng một con sâu chỉ biết có một bề, suốt đời chỉ sục lui sục tới, và thấy nghe hay biết trong vòng lui tới ấy. Đối với nó, người ta là một loài nhiều pháp thuật, giỏi tàng hình, vì khi người đi ngang hay đi lên, nó không thấy biết nữa. Nếu nó mê tín, nó sẽ thờ-phụng chúng ta và mong mỗi nơi chúng

ta một sức che chở huyền hoặc.

Trời và địa-ngục trong đạo Phật, không có một chút ý nghĩa gì là huyền hoặc cả. Tùy theo nghiệp-báo lành hay dữ, ta sẽ đầu thai vào những chỗ xấu xa, hay tốt đẹp, có lên là Địa-ngục, là Trời, cũng như ta đã và sẽ đầu-thai vào bao-nhiều cõi khác theo lẽ luân-hồi nhân-quả.

Người có xem kinh-diễn sẽ thấy Phật tả rất tỷ-mỷ những cảnh Trời và địa-ngục (xem Viên-Âm số 36: Lục đạo) Chẳng hạn Phật nói ở Dục-giới-Thiên không có tật bệnh, ở Sắc-giới-Thiên không có dâm dục, ở Vô-sắc-giới thiên không có thân thể. Về Địa-ngục, Phật chia ra nhiều tầng bậc, và thường mượn những cảnh hình phạt ở thế gian để hình dung những sự đau-khổ ghê-gớm của kẻ bị đọa. Người học kinh nên hiểu cái lẽ « thế-gian bất tương vi » ấy, và đừng càn nghĩ rằng kẻ chịu khổ hình kia cũng có tay chân mặt mũi như ta, hoặc lúc chết bị lọt xuống cõi U-Minh, nằm dưới mặt đất, bị Diêm-vương tra hỏi, rồi bị quỷ sứ dắc lia vào những núi đao, cây kiếm, ngục tuyết, hầm lửa, v.v...

Địa-ngục trong đạo Phật, gồm có những loài thiếu ăn thiếu mặc, thân-thể rất hèn yếu, gặp lá cây có thể cắt đứt, nên có đao sơn, kiếm thọ, gặp gió mưa có thể tan rã, nên có phong đao vũ tiễn, gặp trời nắng có thể bị thiêu đốt, gặp trời lạnh có thể bị nứt-nẻ, nên có diêm hỏa hàn băng.

Những cảnh ấy, ta có thể thực chứng thường ngày: Kia con trùn giấy dựa vì bị thiêu dưới ánh mặt trời, nó con bò-câu bị nhử từng chiếc lông và quần-quai trên ngọn lửa. Con sâu kia bị con vò vò mang về tổ,

nào đã chết đau, nó chỉ bị một chút nọc làm chò không cử động được : ta hãy tưởng-tượng cái hình ghê-gớm, của nó khi bị những con vò vò con ăn dần từng thớ thịt, mà không thể nhúc-nhích để chống cự hay biểu lộ sự đau đớn. Gần ta hơn, bao nhiêu kẻ đồng loại đang rên-rỉ trong cảnh tàn-tật, nghèo đói : bao-nhiều người mù què nằm co quắp trong vũng bùn ở vệ đường gối đầu trên lưng chó, trong cảnh mưa phùn gió bắc của trời đông lạnh buốt. Ấy là chưa nói đến những cảnh chủ đầy đọa tở, kẻ quyền thế áp bức người cô quả, những cảnh tra tấn ghê-gớm thi hành trong các thế-kỷ trước từ Á sang Âu. Nếu phải chỉ đau là quý sir, ta sẽ chỉ những người đồ tể, những kẻ tra tấn, những tên đao-phủ-thủ say máu người.

Nhưng cảnh địa-ngục còn ghê-gớm hơn cảnh thế gian nhiều. Ta khó lòng hình dung những nỗi đau-khò ấy cũng như ta không thể tưởng-tượng được sự sung-sướng ở các cõi trời. Về phương-diện ấy, ta chỉ tin lời Phật. Phật sáng suốt thấy khắp mười phương thuật lại cho ta là những người mù lòa các điều ngài rõ biết. Dù không thật tin, ta cũng không nên nghi-hoặc, nhất là vì nghi hoặc mỗi một vấn đề ấy mà bỏ mất cả Phật-Pháp, Nghĩ như thế, chẳng khác nào người không trí, nghi rằng không có quang tuyến vì lẽ không thấy quang-tuyến ấy, rồi chê bai các nhà bác-học chuyên môn và bác cả khoa học, cho đấy là một trò huyễn-hoặc.

Về những chỗ tử-mỉ, trời và địa-ngục cũng là một vấn đề có tánh cách «chuyên-môn» trong Phật-Pháp, Ta tin những cảnh khác thường ở trời và địa-ngục, như tin những đặc-tính của quang-tuyến vậy. Ta lại còn có nhiều lẽ đích-đáng để tin hơn, vì ta biết Phật

Không phải là một vị còn bị trói buộc trong vòng tham muốn, mà là một người đức-hạnh hoàn-toàn, không bao giờ có thể nói lời dối trá.

Muốn tự mình thấy những cảnh ấy, ta chỉ có một việc phải làm, là chăm-chỉ tu-hành. Khi đã tu, ta sẽ hiểu trời và địa-ngục, có thể nhận ngay nơi hiện-tại. Giữ trọn giới luật, theo đúng thập-thiện, ta đã sống cảnh an-vui êm-đẹp như ở trong cõi trời, khi bao người chung-quanh đang lăn lóc chìm-dắm trong cảnh đau-khổ vô cùng mà không biết đây là địa-ngục.

### NGÔ-ĐIÊN

Trong Đoàn Phật-học Đức-Dục.



# NGÀY TRAI-GIÓI

---

Chiều ngày 14, tôi tắm rửa sạch sẽ, quần áo thay mới ; từ đầu đến chân đều được lau chùi kỹ-lưỡng, tôi bắt đầu sửa soạn, cái thân cho sạch, để rồi đây gạt lọc tâm-hồn cho tinh-khiết, như người lau chùi cái bình để hứng lấy nước trong. Tôi cảm trước một sự vui nhẹ-nhàng như đứa bé sắp được đi thưởng ngoạn trên đồi cao hay một nơi thắng cảnh. Tôi tìm hái những bông hoa thơm, đẹp nhất trong vườn, tôi thầm mong sao tâm tôi sẽ được thơm-tho, dịu mát và tinh-sạch như những hoa này. Tôi đem đặt dưới chân Phật một cách thân-mến và kính-cần. Tôi không muốn dâng lễ mễ gì, cũng không muốn dâng hương nữa, vì tôi cho là đã qua nhiều tay không được tinh sạch ; tôi muốn cúng dâng Ngài một vẻ đẹp, một mùi hương thiên nhiên chỉ qua tay tôi, tay tôi mới rửa sạch hết cấu bần, nhất là với tâm-hồn thiết-tha muốn trong sạch của tôi, chắc đức Từ-Bi cũng chứng giám cho lòng thành nhỏ mọn của tôi.

Tối ấy tôi không ăn cơm, tuy tôi không nói ý định của tôi ra, nhưng mẹ tôi cũng đã biết ý. Mẹ tôi đối với tôi tỏ vẻ thương yêu hơn ngày thường và trong thương yêu, in tưởng có kính-cần nữa. Có lẽ lòng kính cần của tôi đối với Phật đã làm cho tôi tự-nhiên có một vẻ gì đáng kính cháng ?

Đèn vừa đỏ, tôi đốt lò trầm, để trên án kê trước bàn Phật, tôi lay Phật ngồi tịnh tâm một chốc,

rồi đem Tứ-thập-nhi-chương-kinh ra đọc. Sao tôi thích kinh ấy quá, lời ngắn, nghĩa dễ, mà ý-tư dồi-dào, sâu xa, một câu mở rộng không biết bao nhiêu là cảnh-giới :

.....Phật dạy : « Người có các lỗi mà không tự hối, dứt hẳn ác tâm, thì tội đến nơi mình như nước về bể, càng ngày càng sâu càng rộng. Nếu người có lỗi tự biết mình quấy, đời dừ lam lạnh thì tội tự tiêu-diệt như bệnh ra mồ-hôi, lần tự giảm bớt ».

.....Phật dạy : « Người ác nghe ông lam lạnh, cố ý tới khuấy rối, ông phải tự ngăn-ngừa, không giận không trách, thì người ác kia chỉ tự ác một mình mà thôi ».

..... Phật dạy : « Người ác hại người hiền cũng như ngược mặt lên trời mà nhỏ, nhỏ chẳng đến trời, nước miếng trở lại rớt xuống mình. Lại cũng như ngược gió tung bụi, bụi không đến người kia, chỉ trở lại làm nhớp thân mình. Không nên phá hại người hiền ; tai-họa sẽ trở về nơi mình thôi ».

.....Phật dạy : « Người có hai mươi điều khó : Nghèo nàn mà bố-thi là khó, giàu sang mà học đạo là khó, liễu mạng khi chắc phải chết là khó, thấy được kinh Phật là khó, sinh gặp đời Phật là khó, nhân được sắc-đục là khó, thấy tốt chẳng cầu là khó, bị nhục chẳng giận là khó, có thể chẳng phò-trương là khó, đương sự mà vô tâm là khó, học nhiều mà xét rộng là khó, trừ diệt ngã-mạn là khó, không khinh kẻ chưa học là khó, tâm hành bình-đẳng là khó, không nói chuyện thị phi là khó, gặp thiện-tri-thức là khó, kiến-tánh mà học đạo là khó, tùy cơ mà hóa độ người là khó, thấy cảnh chẳng

động là khó, khéo nhận biết phương-tiện là khó ».

.....Phật dạy : « Phải thận-trọng chờ tin ý ông, ý ông không đáng tin ; phải thận-trọng chờ nên gần sắc, gần sắc thì sanh họa : khi được quả A-la-Hán rồi, mới nên tin ý ông ».

.....Có vị Sa-môn ban đêm tụng kinh Di-giác của đức Phật Ca-Diếp, tiếng tụng tha thiết, gấp rúc, ý tưởng mệt mỏi-như muốn thoái hối. Phật hỏi thầy đờ rằng : « Khi ông ở nhà làm nghề nghiệp gì ? » Đáp rằng : « Tôi ưa đàn cầm ». Phật dạy : « Giây đàn dùn thì ra sao ? » Đáp rằng : « Không kêu ». Phật dạy : « Giây đàn nằng thì ra sao ? » Đáp rằng : « tiếng tức ». Phật dạy : « Nếu không nằng không dùn, giây vừa trung bình thì ra sao ? » Đáp rằng : « Đủ cả tiếng ». Phật dạy : « Người tu hành học đạo cũng vậy, tâm nếu điều hòa thỏa-thích thì có thể đắc đạo. Tu hành nóng nảy thì thân thể mỗi mệt, thân thể mỗi mệt thì ý chí bức-tức, mà nếu ý chí bức-tức thì đường tu hành phải lui sút ; đường tu hành đã lui sút thì tội lỗi ắt thêm nhiều. Vậy chỉ nên thanh tịnh an vui mà tu trì mới không lỗi đạo ! »

Phật dạy : « Như người luyện-sắt, bỏ căn-bã làm thành khí-dụng thì khí-dụng mới tinh-hảo. Người học đạo cũng vậy, hề bỏ được cấu-nhiễm nơi tâm, thì hạnhliên được thanh tịnh. »

Tôi càng tụng càng thấy lòng khoan-khoái, động càng thanh càng trong, vang lừng cả phòng. Tôi vừa tụng vừa ngâm-nghĩ đến ý nghĩa của câu Kinh, câu nào chưa nhận được nghĩa, tôi lại tụng vài lượt. Có

lẽ như thế trái lệ tung kinh, nhưng tôi nghĩ rằng tung mà không hiểu thì càng trái với phép tung kinh hơn nữa.

Tụng xong, tôi ngồi an tịnh, thành kính tưởng đến bốn đức Từ, Bi, Hỷ, Xả của Phật, hương trầm thơm tho, tôi thấy lòng tôi bấy giờ cũng nhẹ nhàng, trong sạch... Tôi lay tạ Phật, uống một cốc nước ấm, rồi đi nghỉ. Giấc ngủ êm đềm như giấc ngủ trẻ con, lời tụng kinh còn văng vẳng, làn hương trầm còn vẩn vít bên mình như một điệu ru êm dịu . . .

Tôi bừng mở mắt giậy, nhìn ra cửa sổ, song trời còn tối, cho biết lúc nào nhịn ăn tối cũng dễ giậy sớm; rửa mặt súc miệng xong, tôi xếp mền làm thành nệm, ngồi bán già, lưng thẳng, mắt hơi nhắm, thở mạnh vài cái cho hết xú khí, rồi thở từ từ và đếm thầm theo phép số tức. Thường tôi đã quen, nên mới thở vài hơi đã thấy khoan khoái, thấy ấm áp cả người; một đôi ý nghĩ lần vẩn tới, nhưng tôi liền nhiếp tâm, đề ý theo hơi thở và đếm. Thở độ một trăm cái thì vừa hơi mệt, tôi liền thôi số tức, vận mình vài bận cho chuyển gân, rồi sửa soạn đi tụng kinh. Sáng nay tôi tụng kinh cầu an cho tất cả chúng-sinh, trước và sau lúc tụng, tôi nhiếp-tâm quán-tưởng, mong lòng thương xót của tôi tuôn ra muôn ngàn tia ảnh-hưởng đến vô-lượng chúng-sinh xung quanh tôi và làm cho đều được an lành. Tụng kinh xong thì trời vừa sáng, tôi sửa soạn đi ăn cơm, rồi cấp cái mền mỏng, tìm một nơi vắng vẻ xa nhà để tĩnh-tọa. Xa nơi phồn hoa ồn ào, đặt mình vào giữa vũ-tru tịch-mịch. Thế mà làn gió thổi, tiếng

chim ca cứ gọi lên trong tôi nhiều ý-nghĩ, có lúc một tiếng lá rơi đã ngân lên cả một câu thơ : « Lá vàng trước gió sẽ đưa vào ». Hoặc một giọt sương li-tách rơi đã nổi dậy cả một bài nhạc : « Sous les ponts de Paris », một tiếng còi hỏa-xa dưới phố lại chiếu cả hình-ảnh cầu Bạch-Hồ, nhà Ga, và cột cờ trước mặt tôi !

Tôi thường tưởng có một cảnh tịch-mịch, vì quá loạn-động ; khi tĩnh-tọa mới biết không có cảnh nao thiệt tịch-mịch hết. Tôi thường tưởng lòng mình giản-dị và có lẽ trống-rỗng, nhưng lúc lơ cảnh ngoại, yên-lĩnh mà ngấm vào trong, lúc ấy mới thấy nó hoạt-động, không bao giờ yên ! cũng có lúc nó lặng tờ như mặt ao thu, nhưng khoảnh-khắc nó lại xôn xao như sóng biển. Ngoại cảnh và nội tâm có lúc nào thật lặng thật dưng chẳng ? Một mảnh lá rơi làm reo trong tâm muôn tiếng muôn tình ; một quan-niệm nổi bên trong đã làm cho bao màu sắc biến đổi bên ngoài. Động và tĩnh, trong và ngoài, đó là một hay hai ? Tôi suy-nghĩ, nhưng suy nghĩ chỉ làm tôi loạn-tưởng, tôi nhắm mắt lắng nghe tiếng ngoài và trong.. tôi chú ý vào lắng nghe, tôi nghe những tiếng gần tiếng xa, tiếng gió rì-rào vào qua rìa lá thông, tiếng cú rúc, tiếng chốc-mào liu-lơ, tiếng gà gáy mơ-màng trong xóm xa, tiếng rì-rào xa hơn nữa, tiếng nói của những trẻ chăn trâu bên kia đồi. Thoảng thấy mơ-hồ như tiếng trong mộng, dần dần tất cả ngoại-cảnh-đều tiêu, chỉ còn tiếng là tiếng. Tiếng nổi lên trước, sau, trên, dưới, gần, xa, nhưng mỗi tiếng còn gọi ra nhiều hình-tượng, tôi chỉ nghe mà gắng quên tưởng, cố diệt bỏ các sự phân-biệt giữa các tiếng ! Song khó

thay ! thói quen đã nặng, làm sao mà bỏ được ? Tuy thế cố-chỉ lắm và có lẽ hơi mệt, các tiếng hóa mơ-màng dần, và chỉ còn rõ-ràng tiếng gió ri-rào, tôi víu theo tiếng gió, để ý đến tiếng gió, gió ri-rào như thổi qua tôi ; tiếng chim kêu trong gió hay trong tôi ? dần dần hình tôi chỉ còn như một bóng giữa vũ-tru bao-la...

Không biết tôi ở trong cảnh ấy bao lâu, một tia nắng gội xuống nóng tay tôi, tôi từ từ mở mắt, bàng hoàng...

Đẹp làm sao ! màu đen lóng lánh của cây thông nổi bật lên thẫm cỏ xanh ; ánh trong vàng ngai, một vẻ non xanh, một quầng mây nhẹ !... đâu là tâm-hồn của tôi ? Một phút bàng-hoàng... đẹp để vui-tươi biết bao, sự hòa-hợp của vũ-tru và tâm-hồn ! Nếu phút ấy kéo dài được hơn ! Nhưng một khắc ấy cũng để lại trong tâm một kinh-nghiệm bất-diệt. Bao la và trong sạch, và đầy ánh sáng. Tôi trở về nhà, vui chào chim chóc cỏ hoa. Sao đời sống ta không mãi mãi đẹp như thế này ! Ba giờ rưỡi chiều, tôi lấy quyển « Bát-thức quy-cử tụng » đã dịch trong Viên-Âm ra xem, bản này tôi đã coi nhiều lượt, song chưa thật hiểu rõ, nay nhân ngày trai-giới, tâm nhiều đạo-vị, trí linh-sạch, quyết định tâm xem lại hai phần « Ngũ-thức và lục-thức » cho kỹ. Đã có chi-định, lại quả-quyết, nên rất an tâm mà xem, tôi ngồi nghiêm-trang tịch-niệm một chốc, rồi kính-cần dở sách xem. Xem rất thung-thắng, ngẫm-nghĩ từng chữ từng câu. Đoạn nào rõ, rồi mới qua đoạn khác, ngẫm-cho hiểu lời luận, rồi nghiệm lại nơi mình, theo luận mà chia-chẻ tâm niệm và quan-sát nơi mình. Tôi thấy hiểu một

cách sáng-suốt hơn ngày thường nhiều lắm. Cho biết xem kinh với tụng kinh-cần bao nhiêu, càng dễ hiểu bấy nhiêu. Nên luật dạy không bao giờ được nằm mà xem kinh. Tôi hiểu được nhiều chỗ rất lý-thú, tuy có chỗ vẫn còn thắc mắc chưa nhận được. Nhưng các chỗ đó tôi cũng chú-ý để ngâm nghĩ. Tôi cảm thấy an vui vô cùng. Thời giờ qua như chớp nhoáng, và lúc xếp sách, vẫn đang còn quyến luyến...Xem luận ấy xong thì vừa sáu giờ, tôi sửa soạn vào lễ Phật. Tối nay tôi tụng nghi Tịnh-độ, và sau lúc tụng hết nghi rồi, tôi lại nhiếp-tâm và đọc lại 4 lời thệ nguyện :

Chúng-sinh vô biên thệ nguyện độ,

Phiền-não vô tận thệ nguyện đoạn,

Pháp-môn vô lượng thệ nguyện học,

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

Cả ngày nay, nhờ đức Từ-Bi gia hộ, tôi đã được sống trong hào-quang tinh-khiết an-lành của Phật, nhưng còn biết bao nhiêu kẻ chưa được sống trong cõi an-tịnh ấy, mà người có ơn nặng với tôi nhất là mẹ tôi, người thân của tôi là anh em bầu bạn, các kẻ có ân-nghĩa với tôi hoặc nhiều hoặc ít là mọi người quanh tôi.

Làm sao cho mọi người đều biết sống vui theo Phật-Pháp, cái vui chân-thật thanh-khiết giản-dị ! Đó là câu hỏi vấn-vết tri lời sau một ngày trai-giờ.

# THU TÍN

Chúng tôi đã nhận được ngân-phiếu bưu-điện của quý ngài Độc-giả kê tên dưới đây :

M. M. Tỉnh Hội Phật-học Bình-định	26 90
Thầy Thiệu-Lạc Học tăng Huế	3 00
Phan Thăng à Quảng-Ngãi	2 00
Đào bồi-Toại à Phú-Yên	3 00
Lâm hiệp Bửu à Rạch-Giá	2 50
Trần Kinh à Mỹ-An Phanrang	2 00
Nguyễn duy-Tin à Phan thiết	2 50
Lê Thu học-Sanh Phật học Huế	3 00
Phạm văn Lễ à Long Thành	3 50
Tỉnh-Hội Phật-học à Quảng-Ngãi	24 00
Tỉnh-Hội Phật-học à Qui-Nhơn	34 10
Đoàn trung-Còn à Sài-gon	2 50
Lê văn-Ninh à Saigon	6 90
Nguyễn văn Kỳ Hải-Dương	2 50
Hội Phật-Giáo Vientiane	22 50
Lê văn-Tân à Trà Vinh	4 50
Mlle Kim-Lan à Tây-Ninh	3 50
Nguyễn văn-Giục à Nam-Định	5 00
Hoàng Châm à Vinh	2 50
Phan Diễn à Phan-thiết	2 50
Nguyễn văn-Giục à Nam-Định	2 00
Tỉnh-Hội Phật-học FaiFos	90 00
Lê văn Kỹ Docteur à Sông-cầu	5 00

Chúng tôi xin có lời cảm ơn chư-quý độc-giả và sẽ xin tiếp tục gửi nguyệt-san.